

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG TRONG VIỆC CUNG CẤP THÔNG TIN SẢN PHẨM THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

*Phùng Trọng Quế**
Email: quept@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 08/01/2024

Ngày phản biện đánh giá: 18/07/2024

Ngày bài báo được duyệt đăng: 30/07/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.432

Tóm tắt: Kinh doanh thực phẩm chức năng là lĩnh vực liên quan trực tiếp đến vấn đề sức khỏe cũng như tính mạng của người tiêu dùng vì vậy việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong lĩnh vực này là vô cùng quan trọng. Bài viết phân tích một số vấn đề pháp lý về trách nhiệm cung cấp thông tin sản phẩm thực phẩm chức năng của doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam. Từ đó, luận giải và đưa ra một số kiến nghị nhằm mục đích góp phần hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ở Việt Nam.

Từ khóa: thực phẩm chức năng, người tiêu dùng, trách nhiệm cung cấp thông tin.

I. Đặt vấn đề

Trách nhiệm cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp là một trong những nghĩa vụ của doanh nghiệp được quy định trong Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 16/2023/QH15 ngày 20/6/2023 (Luật BVQLNTD 2023). Trong quan hệ tiêu dùng giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng (NTD) thì NTD luôn là bên yếu thế so với các doanh nghiệp, đặc biệt là yếu về khả năng nắm bắt thông tin về hàng hóa, dịch vụ. Thực phẩm nói chung luôn là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt đối với toàn xã hội. Đảm bảo chất lượng về thực phẩm nói chung và thực phẩm chức năng (TPCN)

nói riêng là việc làm cần thiết không chỉ bởi nó ảnh hưởng trực tiếp, thường xuyên đến sức khỏe của NTD mà còn liên quan chặt chẽ đến phát triển kinh tế - xã hội.

Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đều quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp về thông tin về hàng hóa cho NTD, coi đó là một trong những cách thức đảm bảo quyền được thông tin cho NTD. Do vậy, việc nghiên cứu vấn đề pháp lý về trách nhiệm cung cấp thông tin của doanh nghiệp kinh doanh TPCN là cơ sở quan trọng cho việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi NTD nói chung, bao gồm NTD TPCN. Trong lĩnh vực TPCN, mặc dù hiểu biết người tiêu dùng TPCN đã

* Trường Đại học Mở Hà Nội

rất tiến bộ nhưng họ vẫn chưa nhận thức đầy đủ quyền lợi của bản thân nên vẫn có trường hợp bị các công ty và các doanh nghiệp đưa vào thế bất lợi. Do đó, bên cạnh việc NTD TPCN cần hiểu biết rõ hơn về quyền thì việc hoàn thiện các quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin của doanh nghiệp kinh doanh TPCN để cho quyền lợi của người tiêu dùng và sức khỏe của họ được bảo vệ một cách tối ưu nhất.

II. Cơ sở lý thuyết

Bài báo sử dụng các cơ sở lý thuyết sau đây để làm nền tảng cho kết quả nghiên cứu:

2.1. Lý thuyết về bất đối xứng thông tin

Theo đó, trong quan hệ tiêu dùng giữa doanh nghiệp với NTD thì NTD luôn là bên yếu thế so với các doanh nghiệp đặc biệt là yếu về khả năng nắm bắt thông tin về hàng hóa, dịch vụ.

2.2. Lý thuyết về việc kinh doanh có trách nhiệm của doanh nghiệp.

Lý thuyết này giúp nhìn nhận rõ hơn trách nhiệm của doanh nghiệp nói chung đối với cộng đồng NTD, hướng tới sự phát triển bền vững.

III. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài phương pháp luận như duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp thu thập thông tin, phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích... để làm rõ các vấn đề lý luận, thực tiễn cũng như giải pháp hoàn thiện quy định về trách nhiệm cung cấp thông

tin sản phẩm là thực phẩm chức năng của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Khái quát về thực phẩm chức năng và trách nhiệm cung cấp thông tin của doanh nghiệp

TPCN là thuật ngữ thường gặp trong đời sống nhưng vốn dĩ là khái niệm mang tính chuyên ngành. Vì vậy, có rất nhiều khái niệm do các đơn vị, tổ chức khác nhau đưa ra về thực phẩm chức năng.

Theo Hội đồng thông tin thực phẩm quốc tế (IFIC), “TPCN là những thực phẩm hay thành phần của chế độ ăn có thể đem lại lợi ích cho sức khỏe nhiều hơn giá trị dinh dưỡng cơ bản”. Còn theo Viện Khoa học và Đời sống quốc tế (International Life Science Institute – ILSI) cho rằng: “TPCN là thực phẩm có lợi cho một hay nhiều hoạt động của cơ thể như cải thiện tình trạng sức khỏe và làm giảm nguy cơ mắc bệnh hơn là so với giá trị dinh dưỡng mà nó mang lại”[†].

Về mặt pháp lý, khái niệm về TPCN lần đầu tiên được đề cập ở Thông tư số 08/2004/TT-BYT hướng dẫn việc quản lý các sản phẩm thực phẩm chức năng. Luật An toàn vệ sinh thực phẩm 2010 sửa đổi năm 2018, khái niệm này được quy định chi tiết như sau: “*TPCN là thực phẩm dùng để hỗ trợ chức năng của cơ thể con người, tạo cho cơ thể tình trạng thoải mái, tăng sức đề kháng, giảm bớt nguy cơ mắc bệnh, bao gồm thực phẩm bổ sung, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học*”. Tại Thông tư số 43/2014/

[†] Phạm Văn Hào (2016), “*Pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng và nhu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 10/2016.

TT-BYT quy định về quản lý TPCN, thì ngoài 3 loại TPCN kể trên thì còn nhắc tới thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt và giải thích rất chi tiết về các loại thực phẩm chức năng này.

Từ khái niệm trên có thể rút ra các đặc điểm của TPCN là: (i) TPCN là thực phẩm dùng để ăn hoặc uống nhằm hỗ trợ chức năng của cơ thể con người. Tức là TPCN có thể loại bỏ các chất gây hại cho cơ thể và bổ sung các chất có lợi, có tác dụng tăng cường sức khỏe, dự phòng, giảm thiểu nguy cơ gây bệnh tới một hay nhiều chức năng của cơ thể; (ii) TPCN có sự giao thoa giữa thuốc và thực phẩm. Về hình thức, kiểu cách đóng gói và hình dạng chứa đựng giống như thuốc nhưng khác bản chất ở bên trong. Còn giống thực phẩm về bản chất nhưng khác về hình thức. Đây là một trong những đặc trưng cơ bản nhất của TPCN, để phân biệt sự khác nhau giữa TPCN với các loại hàng hóa khác, đặc biệt là thuốc; (iii) TPCN có lợi ích với sức khỏe nhiều hơn lợi ích dinh dưỡng cơ bản.

Trong lĩnh vực pháp luật bảo vệ quyền lợi NTD thì thông tin về hàng hóa, sản phẩm là một trong những yếu tố mà NTD quan tâm nhất khi mua, sử dụng sản phẩm, là điều đặc biệt quan trọng trong giai đoạn trước khi NTD xác lập quan hệ tiêu dùng với nhà sản xuất, cung cấp hàng hóa. Thông tin về hàng hóa, dịch vụ là một khái niệm rộng, bao gồm ba nhóm: Nhóm 1: thông tin về nhà sản xuất, cung ứng (gồm tên, địa chỉ trụ sở, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email...); Nhóm hai: thông tin về giao dịch (thông tin về hóa đơn, chứng từ liên quan đến giao dịch, thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung); Nhóm ba: thông tin về hàng hóa

(giá cả, số lượng, chất lượng, hướng dẫn sử dụng, bảo hành hàng hóa, khả năng cung ứng linh kiện hàng hóa...).

Như vậy, trách nhiệm cung cấp thông tin của doanh nghiệp đối với NTD có thể hiểu là nghĩa vụ mà doanh nghiệp phải tuân thủ theo quy định của pháp luật đối với NTD trong việc cung cấp những thông tin mà NTD có quyền được biết và muốn biết, nếu doanh nghiệp không hoàn thành hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ thì phải gánh chịu những hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Trong quan hệ tiêu dùng, doanh nghiệp có nghĩa vụ cung cấp thông tin cho NTD, NTD có quyền được biết các thông tin trước, trong và sau khi giao dịch với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

4.2. Quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với NTD trong việc cung cấp thông tin về sản phẩm TPCN

Hiện nay, quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh TPCN được ghi nhận tại Luật BVQLNTD 2023 và các luật chuyên ngành có liên quan như Luật An toàn vệ sinh thực phẩm, Luật Dược... Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu, tác giả không đề cập tới các trách nhiệm chung, chỉ tập trung nghiên cứu các nội dung quản lý chuyên sâu về trách nhiệm cung cấp thông tin của doanh nghiệp về TPCN.

4.2.1. Về ghi nhãn hàng hóa

Trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật được quy định trước hết trong Luật BVQLNTD, đối với mọi sản phẩm hàng hóa dịch vụ. Luật BVQLNTD 2023 đã bổ sung, nhấn mạnh việc ghi nhãn hàng hóa cần bảo đảm “*trung thực, rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng bản chất của hàng hóa*” chứ không

chỉ theo quy định của pháp luật. TPCN cũng là một trong những sản phẩm phải tuân thủ những quy định chung về ghi nhãn sản phẩm như các sản phẩm thông thường khác. Cụ thể, nhãn hàng hóa là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh được dán, in, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa hoặc trên các chất liệu khác được gắn trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa[‡]. Nghị định 43/2017/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 111/2021/NĐ-CP đã quy định rõ chủ thể chịu trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa là doanh nghiệp. Với hàng hóa lưu thông trong nước, doanh nghiệp sản xuất sẽ chịu trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa. Trong trường hợp doanh nghiệp này yêu cầu tổ chức, cá nhân khác ghi nhãn thì doanh nghiệp vẫn là bên chịu trách nhiệm về nhãn hàng hóa của mình. Nếu hàng hóa không xuất khẩu được hoặc bị trả lại, đưa ra lưu thông trên thị trường thì doanh nghiệp đưa hàng hóa ra lưu thông phải ghi nhãn. Doanh nghiệp nào nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam cũng phải ghi nhãn với những nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa nhập khẩu. Nội dung nhãn hàng hóa cần đảm bảo các thông tin bắt buộc về tên hàng hóa, tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm, xuất xứ hàng hóa, cùng nội dung bắt buộc khác theo tính chất của mỗi loại hàng hóa[§]. Hai Nghị định trên còn quy định về vị trí

nhãn hàng hóa (Điều 4); kích thước nhãn hàng hóa, kích thước của chữ và số trên nhãn (Điều 5); màu sắc của chữ, ký hiệu và hình ảnh trên nhãn hàng hóa (Điều 6); ngôn ngữ trình bày nhãn hàng hóa (Điều 7); ghi nhãn phụ (Điều 8) và trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa (Điều 10).

Tuy nhiên, vì là loại sản phẩm đặc biệt, chịu sự quản lý của Bộ Y tế, do đó các TPCN cũng được quy định về ghi nhãn riêng bởi các văn bản pháp luật chuyên ngành về an toàn thực phẩm. Cụ thể, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm tại Việt Nam ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa còn phải tuân thủ các quy định sau: *“Thực phẩm dinh dưỡng y học phải ghi các cụm từ sau: “Thực phẩm dinh dưỡng y học” và “Sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế”; Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt phải ghi cụm từ: “Sản phẩm dinh dưỡng (cho đối tượng cụ thể)” trên mặt chính của nhãn để phân biệt với thực phẩm thông thường”*[¶].

Thông tư số 43/2014/TT-BYT** về quản lý TPCN cũng từng có những quy định chi tiết về ghi nhãn tiếng Việt đối với các TPCN cụ thể như: Đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, phải ghi cụm từ *“Thực phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh”* ngay sau phần ghi nhãn về công dụng của sản phẩm hoặc cùng chỗ với các khuyến cáo khác nếu có.

[‡] Khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2017/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa

[§] Điều 10 Nghị định 43/2017/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa

[¶] Điều 24 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP

** Nay đã được hợp nhất với Thông tư số 17/2023/TT-BYT

Có thể thấy, quy định hiện hành về ghi nhãn sản phẩm liên quan đến các sản phẩm là thực phẩm hiện nay đã được đơn giản hóa rất nhiều so với trước kia. Những quy định khá rườm rà đã được lược bỏ để thống nhất với các quy định chung về ghi nhãn sản phẩm trong Luật An toàn thực phẩm và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

Đối với giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ qua thương mại điện tử (TMĐT). Theo quy định tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2021/NĐ-CP), người bán hàng trên website cung cấp dịch vụ TMĐT phải tuân thủ các quy định của Luật BVQLNTD 2023 khi cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin trên website và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin. Ngoài việc cung cấp thông tin về các đặc tính, giá cả của hàng hóa, điều kiện giao dịch chung thì doanh nghiệp còn phải cung cấp thông tin cho NTD về vận chuyển và giao nhận hàng hóa, các phương thức thanh toán áp dụng cho hàng hóa bởi đặc thù của hình thức giao dịch này là NTD mua hàng hóa, dịch vụ thông qua phương tiện điện tử, không thể giao nhận và thanh toán trực tiếp với người bán. Đây là những quy định cơ bản và thiết thực trong giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa NTD và doanh nghiệp qua website điện tử và các mạng mở khác.

Tuy nhiên trên thực tế, những quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin trong những điều

luật về TMĐT vẫn chỉ dừng lại ở những quy định chung chung, chưa cụ thể. Việc kê khai thông tin về hàng hóa của doanh nghiệp chưa được kiểm soát chặt chẽ, như thế nào là “trung thực, đầy đủ”. Thông thường, NTD luôn gặp phải những rủi ro phổ biến khi giao dịch mua bán qua TMĐT như hàng hóa không giống với hình ảnh đã được công bố, nguồn gốc hàng hóa không được kiểm định, chất lượng hàng hóa không như quảng cáo, giới thiệu của nhà cung cấp, hóa đơn bán hàng và chứng từ còn sơ sài dẫn đến NTD và doanh nghiệp không có sự ràng buộc về mặt pháp lý nào sau khi mua hàng.

4.2.2. Về công bố chất lượng sản phẩm

Khác với các sản phẩm khác, TPCN không chỉ cung cấp thông tin về sản phẩm qua việc ghi nhãn sản phẩm mà còn thông qua bởi thủ tục công bố chất lượng sản phẩm. Thủ tục công bố chất lượng sản phẩm đối với TPCN là bắt buộc nhất trong các loại thực phẩm, đây cũng là yêu cầu cơ bản và quan trọng nhất của nhà nước trong quản lý loại thực phẩm này nhằm bảo vệ quyền lợi NTD. Thủ tục công bố chất lượng sản phẩm bao gồm thủ tục tự công bố sản phẩm và thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm.

*** Thủ tục tự công bố sản phẩm**

Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh TPCN thực hiện tự công bố sản phẩm TPCN trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử của mình hoặc niêm yết công khai tại trụ sở của tổ chức, cá nhân và công bố trên Hệ thống thông tin dữ liệu cập nhật về an toàn

thực phẩm^{††}. Thủ tục tự công bố này dẫn tới hậu quả pháp lý là ngay sau khi tự công bố sản phẩm, doanh nghiệp được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn của sản phẩm đó.

Tuy nhiên, ngoài quy định chung về trình tự thủ tục tự công bố, các yêu cầu tự công bố đối với sản phẩm là TPCN còn rất nghiêm ngặt, cụ thể như sau:

(i) Yêu cầu về nội dung công bố đối với thực phẩm bổ sung:

Đối với thực phẩm bổ sung, yêu cầu tự công bố phải bao gồm công bố hàm lượng chất dinh dưỡng và công bố khuyến cáo về sức khỏe.

- Công bố hàm lượng chất dinh dưỡng (Nutrient content claims): Khi bổ sung hoạt tính sinh học vào thực phẩm, việc công bố hàm lượng các chất đó có trong thực phẩm tính theo lượng dùng khuyến cáo hằng ngày cho người Việt Nam (RNI) được quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 43/2014/TT-BYT.

- Công bố khuyến cáo về sức khỏe (Health claims): Các khuyến cáo về sức khỏe đối với các chất bổ sung chỉ được công bố khi hàm lượng chất đó có trong thực phẩm đạt tối thiểu 10% RNI và có bằng chứng khoa học cụ thể để chứng minh^{††}; Các khuyến cáo sức khỏe phải

được ghi rõ ràng và thống nhất, phù hợp với bằng chứng khoa học chứng minh;

(ii) Yêu cầu về nội dung công bố đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe:

Đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe, ngoài yêu cầu công bố về hàm lượng, khuyến cáo về sức khỏe, thì nội dung tự công bố còn bắt buộc có thêm về đối tượng sử dụng. Cụ thể:

- Công bố hàm lượng: Hàm lượng của vitamin, khoáng chất có trong thực phẩm tính theo liều khuyến dùng hằng ngày của nhà sản xuất phải đạt được tối thiểu 15% nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam hoặc tối thiểu 15% lượng sử dụng của thành phần đó đã nêu trong bằng chứng khoa học; Hàm lượng tối đa nói trên không được vượt quá ngưỡng dung nạp tối đa của các vitamin và khoáng chất được quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư 43/2014/TT-BYT.

- Công bố khuyến cáo về sức khỏe (Health claims): phải đúng bản chất của sản phẩm, chỉ công bố công dụng của thành phần cấu tạo có công dụng chính hoặc công bố công dụng hợp thành của những thành phần cấu tạo khi có bằng chứng khoa học chứng minh và không công bố công dụng theo cách liệt kê công dụng của các thành phần; Công bố khuyến cáo về sức khỏe, liều lượng, đối tượng sử

^{††} Trong trường hợp chưa có Hệ thống thông tin dữ liệu cập nhật về an toàn thực phẩm thì tổ chức, cá nhân nộp 01 bản qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ định để lưu trữ hồ sơ và đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận,

^{††} Đối với các thành phần bổ sung chưa có mức RNI theo quy định, chỉ được công bố khuyến cáo về sức khỏe của thành phần đó trên nhãn sản phẩm khi hàm lượng của các thành phần này đạt tối thiểu 10% lượng sử dụng của thành phần đó đã nêu trong bằng chứng khoa học

dụng và cách dùng phù hợp phải thống nhất và phù hợp với các tài liệu tại hồ sơ; Khi liều sử dụng hàng ngày của vitamin, khoáng chất trong sản phẩm đạt tối thiểu 15% RNI hoặc đạt tối thiểu 15% lượng sử dụng của thành phần đó đã nêu trong bằng chứng khoa học thì được công bố công dụng cho sản phẩm nhưng phải chỉ ra đối tượng, liều dùng phù hợp^{§§}.

- Đối tượng sử dụng: phải phù hợp với công dụng đã công bố và được cơ quan tiếp nhận bản đăng ký công bố sản phẩm chấp nhận thông qua bản đăng ký công bố sản phẩm của tổ chức, cá nhân; Phải cảnh báo đối tượng không được sử dụng (nếu có).

(iii) Yêu cầu về nội dung công bố đối với thực phẩm dinh dưỡng y học và thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt.

Khác với thực phẩm bổ sung và thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học và thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, ngoài những công bố trên, còn phải công bố liều dùng phù hợp với đối tượng sử dụng trong khoảng thời gian cụ thể. Trong đó, công bố hàm lượng chất dinh dưỡng (Nutrient content claims), được quy định cụ thể tại Thông tư 43/2014/TT-BYT.

*** Thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm**

Nếu như các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm thông thường chỉ cần thực hiện thủ tục tự công bố, thì đối với TPCN, lại cần thực hiện thêm thủ tục đăng ký bản

công bố sản phẩm^{¶¶}. Tuy nhiên, trong ba loại TPCN như phân tích, chỉ có 02 loại cần thực hiện thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm đó là thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt. Thực phẩm bổ sung không thuộc loại cần thực hiện đăng ký bản công bố sản phẩm mà chỉ cần thực hiện thủ tục tự công bố. Nguyên nhân là do, trong các loại TPCN đã nêu thì thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học và thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt được xem là có nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe con người lớn hơn. Chính vì vậy, ngay cả trong thủ tục tự công bố thì các nội dung tự công bố như đối tượng sử dụng, liều dùng cũng không cần áp dụng cho thực phẩm bổ sung.

Về cơ quan có thẩm quyền đăng ký bản công bố sản phẩm. Trước tiên, đây được hiểu là thủ tục đăng ký về công bố chất lượng sản phẩm đối với cơ quan quản lý nhà nước (QLNN) có thẩm quyền. Việc đăng ký này nhằm giúp cơ quan QLNN có thể quản lý tốt hơn về TPCN. Do đó, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nộp hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định sau đây: (i) Nộp đến Bộ Y tế đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe; (ii) Nộp đến cơ quan QLNN có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt. Về hồ sơ thủ

^{§§} Đối với thành phần chưa có mức RNI theo quy định, khi liều sử dụng hàng ngày đạt tối thiểu 15% lượng sử dụng của thành phần đó đã nêu trong bằng chứng khoa học thì được công bố công dụng cho sản phẩm nhưng phải chỉ ra đối tượng, liều dùng phù hợp

^{¶¶} Điều 6 Nghị định 15/2018/NĐ-CP

tục đăng ký này lại được chia ra đối với từng loại TPCN, tùy thuộc xem đó là sản phẩm nhập khẩu hay là TPCN sản xuất trong nước. Các thủ tục chi tiết về thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm, hiện nay đều được hướng dẫn tại các Công dịch vụ công về an toàn thực phẩm.

4.3. Giải pháp hoàn thiện quy định trách nhiệm của doanh nghiệp đối với NTD trong việc cung cấp thông tin sản phẩm TPCN

Một là, cần bổ sung quy định cụ thể về thời điểm cung cấp thông tin của doanh nghiệp, cần chi tiết để xác định được việc cung cấp như thế nào là “trung thực, đầy đủ, chính xác”. Mặc dù các văn bản pháp luật hiện hành đã quy định doanh nghiệp có trách nhiệm phải đảm bảo cung cấp thông tin cho NTD phải trung thực, đầy đủ, chính xác. Tuy nhiên, việc cung cấp thông tin vào thời điểm nào (trước, trong hay sau giao dịch) và đưa ra giới hạn để phân biệt thế nào là đầy đủ, chính xác và thế nào là không đầy đủ, chính xác lại chưa được đề cập cụ thể, chi tiết.

Hai là, cần bổ sung các quy định đảm bảo sự phù hợp về tỷ lệ giữa kích cỡ nhãn hàng hóa YPCN và TPCN của doanh nghiệp, tránh trường hợp chênh lệch về kích cỡ khiến NTD không để ý mà bỏ qua nhãn dán hàng hóa. Nhãn hàng hóa của thực phẩm chức năng, ngoài những thông tin cơ bản như nhãn hàng hóa thông thường, cần phải bổ sung các thông tin như bản tự công bố của doanh nghiệp sản xuất thực phẩm chức năng. Hơn nữa, cần xây dựng nhóm quy định cụ thể về “khả năng gây ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe, tài sản” của dịch vụ đối với NTD nhằm làm rõ trách nhiệm của doanh nghiệp khi kinh doanh TPCN.

Ba là, đối với kinh doanh TPCN thương mại điện tử, nên có những quy định yêu cầu doanh nghiệp cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ cụ thể, chính xác hơn. Doanh nghiệp cần trung thực khi chụp ảnh, quay video giới thiệu hàng hoá, không đánh lừa NTD bằng việc sử dụng sản phẩm chất lượng tốt để quay phim, chụp ảnh nhưng lại bán hàng chất lượng thấp; hay chỉnh sửa màu và hình dáng hàng hóa,... Cần tôn trọng và thể hiện đầy đủ nhận xét, đánh giá của NTD trực tuyến về sản phẩm, dịch vụ hoặc gian hàng, đặc biệt nghiêm cấm việc tự mình hoặc nhờ người khác nhận xét, đánh giá tốt hoặc chằm chằm cao cho gian hàng của mình trên sàn thương mại điện tử. Cần quy định cụ thể những cách thức, nội dung thông báo mà người có ảnh hưởng trong xã hội cần thể hiện cho NTD về việc họ được doanh nghiệp tài trợ để cung cấp thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Bổ sung phương tiện để doanh nghiệp thông báo về thu hồi thực phẩm chức năng không đảm bảo là gian hàng điện tử của doanh nghiệp trên các sàn TMĐT. Mặc dù Luật BVQLNTD 2023, Luật An toàn thực phẩm 2010 đã bổ sung các cách thức thông báo thu hồi hàng hóa có khuyết tật như niêm yết tại trụ sở, địa điểm kinh doanh và đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có) của doanh nghiệp, văn bản Luật này vẫn bỏ qua phương tiện quan trọng khác là các sàn TMĐT. Đây là những kênh mua sắm phổ biến của NTD hiện nay. Việc bổ sung phương tiện này sẽ giúp tăng khả năng tiếp cận thông tin của NTD về hoạt động thu hồi TPCN không đảm bảo.

V. Kết luận

Pháp luật về bảo vệ quyền lợi NTD có ý nghĩa quan trọng nhằm tạo thuận lợi

và lành mạnh cho sự phát triển của các hoạt động thương mại. Quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin sản phẩm TPCN của doanh nghiệp đã được ghi nhận trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, quy định này vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để qua đó góp phần hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi NTD nói chung, trong đó có lĩnh vực TPCN.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010.
- [2]. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023.
- [3]. Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
- [4]. Thông tư 43/2014/TT-BYT về quản lý thực phẩm chức năng do bộ trưởng bộ y tế ban hành.
- [5]. TS Nguyễn Thị Vân Anh - TS Nguyễn Văn Cương (đồng chủ biên), Giáo trình Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012
- [6]. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2011), Pháp luật bảo vệ quyền lợi NTD trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. Thực trạng và giải pháp, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Thị Tâm (2011), Tìm hiểu Luật Bảo vệ quyền lợi NTD, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội
- [8]. Nguyễn Văn Cương (2013), Cơ sở lý luận về quyền được thông tin của người tiêu dùng, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 8)
- [9]. Viện Khoa học pháp lý (2016), Dự án điều tra cơ bản về “Thực trạng thi hành pháp luật an toàn thực phẩm và vai trò của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc đảm bảo thi hành.
- [10]. Phạm Văn Hào (2016), “Pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng và nhu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 10/2016.

RESPONSIBILITIES OF ENTERPRISES TO CONSUMERS IN PROVIDING INFORMATION ABOUT DIETARY SUPPLEMENT PRODUCTS

*Phung Trong Que^{***}*

***Abstract:** The business of dietary supplement products is a field directly related to the health and lives of consumers, so protecting consumer rights in this field is extremely important. This article analyzes some legal issues regarding the responsibility of businesses to provide information about functional food products according to Vietnamese law. From there, explain and make a number of recommendations with the aim of contributing to improving the law on protecting consumer rights in Vietnam.*

***Keywords:** dietary supplement products, consumers, responsibilities in providing information.*

^{***} Hanoi Open University